TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2025/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2025/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số 038183017850 cấp ngày 15/01/2023.

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: C T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Căn cước số 044083012099 cấp ngày 04/12/2024.

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: C T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đang thực tế sinh sống tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của bà H và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 07/02/2011 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 26/5/2019.

Ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông T và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0009819 ngày 19/8/2025 và số 0009820 ngày 19/8/2025 của Phòng

Thi hành án dân sự khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Túy